

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Tuấn Đạt** và ông **Lê Đình Kh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Lệ H**, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp An Thạnh, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở: Khu 2, thị trấn T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(Chị H, anh Quý có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Đặng Thị Lệ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trần Văn Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không chăm lo làm ăn, không quan

tâm chăm sóc gia đình, chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Q không thay đổi. Từ năm 2020 cho đến nay chị và anh Q đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trần Đặng Nh Ý, sinh ngày 08-8-2012; Trần Đặng Anh Kh, sinh ngày 12-11-2019. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, đồng ý giao cháu Ý cho anh Q nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị H khai báo vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Trần Văn Q trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thừa nhận, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên hay cãi vã nhau, nay anh và chị H đã không còn sống chung với nhau vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị H yêu cầu ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Trần Đặng Nh Ý, sinh ngày 08-8-2012; Trần Đặng Anh Kh, sinh ngày 12-11-2019. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Ý, đồng ý giao cháu Kh cho chị H nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Lời khai bị đơn; Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Trần Đặng Nh Ý; biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H ly hôn với anh Trần Văn Q; về con chung: Đề nghị giao cháu Kh cho chị H nuôi dưỡng, giáo cháu Ý cho anh Q nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Q, tranh chấp về nuôi con chung là Trần Đăng Nh Ý, sinh ngày 08-8-2012; Trần Đăng Anh Kh, sinh ngày 12-11-2019. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn Q có nơi cư trú tại: Ấp 2, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị H, bị đơn anh Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H, anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tân Phú vào ngày 01/02/2012, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị H, anh Q hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ cho nhau những vấn đề trong cuộc sống. Từ năm 2021 đến nay, chị H, anh Q đã không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng một phần được bị đơn thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng anh chị hiện đã không còn sống chung với nhau.

[6] Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy chị H, anh Q trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung là Trần Đăng Nh Ý, sinh ngày 08-8-2012; Trần Đăng Anh Kh, sinh ngày 12-11-2019. Khi ly hôn chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh, đồng ý giao cháu Ý cho anh Q nuôi dưỡng, anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ý, hơn nữa cháu ý cũng có nguyện vọng được sống chung với anh Q. Do đó giao cháu Kh cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao cháu Ý cho anh Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét.

[9] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85, 91, 92, 93 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Lệ H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh Trần Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Lệ H được ly hôn anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Đăng Anh Kh, sinh ngày 12-11-2019 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Trần Đăng Nh Ý, sinh ngày 08-8-2012 cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, anh Q có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung: Chị H, anh Q khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Lệ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002107 ngày 10/11/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã P (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 01/02/2012)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA